

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Việt.

2. Bà Nguyễn Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/12/2020 và ngày 11/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 18/11/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 90/2020/QĐST-DS ngày 16/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Châu N, sinh ngày 21/8/1997.

Địa chỉ: tổ 3, ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 182, khóm H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2020 và ngày 22/10/2020, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Châu N trình bày:

Chị N và anh N qua mai mối, quen biết tìm hiểu khoảng một tháng thì quyết định đám cưới vào ngày 16 và ngày 17 tháng 6 năm 2019 dương lịch, Chị N và anh N chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Chị N và anh N sống chung với gia đình cha mẹ anh N. Đến tháng 7, tháng 8 năm 2019, chị N mang thai, sức khỏe không tốt nên về nhà cha mẹ ở và sinh con Phạm Châu HM (sinh ngày 08/4/2020). Từ tháng 8 năm 2019

đến nay, Chị N và anh N sống ly thân, không quan tâm liên lạc với nhau, anh N không cấp dưỡng, gửi tiền phụ giúp chị N nuôi con.

Nay chị N nhận thấy anh N không có trách nhiệm gì trong cuộc sống chung, Chị N và anh N không còn tình cảm, thương yêu, không đăng ký kết hôn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không đạt được mục đích hôn nhân, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: chị N xác định anh N và chị N có một con chung là cháu Phạm Châu HM sinh ngày 08/4/2020. Hiện nay chị N đang nuôi con. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: chị N và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: chị N trình bày không có.

Theo bản trình bày ý kiến, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, Bị đơn Nguyễn Văn N trình bày:

Chị N và anh N qua mai mối, quen biết tìm hiểu khoảng một tháng thì quyết định đám cưới vào ngày 16 và ngày 17 tháng 6 năm 2019 dương lịch, anh N và chị N chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian sống chung, chị N không hòa hợp tính tình, lối sống, sinh hoạt với anh N, với cha mẹ và gia đình anh N nên phát sinh mâu thuẫn.

Đến tháng 7, tháng 8 năm 2019, chị N mang thai, ăn uống sinh hoạt thất thường, sức khỏe không tốt. Đến ngày 12/8/2019, anh N đưa chị N về nhà cha mẹ chị N ở cho đến nay. Do bận công việc nên anh N không thăm nom chị N và con Phạm Châu HM (sinh ngày 08/4/2020), không cấp dưỡng, tiền bạc phụ giúp chị N nuôi con. Từ tháng 8 năm 2019 đến nay, anh N và chị N ly thân, không quan tâm liên lạc với nhau.

Nay anh N nhận thấy không còn tình cảm, không còn thương yêu chị N, hai bên không đạt được mục đích hôn nhân, không đăng ký kết hôn nên anh N đồng ý và yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: anh N thừa nhận anh N và chị N có một con chung là Phạm Châu HM sinh ngày 08/4/2020. Hiện nay chị N đang nuôi con. Anh N đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng mỗi tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Châu HM đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: anh N, chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: anh N trình bày không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Thống nhất với trình tự, thủ tục tố tụng về thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án.

Về đường lối giải quyết: Chị N và anh N chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nay chị N và anh N đều xin

ly hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh N. Về con chung: Chị N và anh N xác định có 01 con chung là Phạm Châu HM sinh ngày 08/4/2020. Chị N, anh N đều thống nhất giao cho chị N nuôi con nên đề nghị giao cho chị N nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị chấp nhận việc anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu HM thành niên 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con” của nguyên đơn Phạm Châu N thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Phạm Châu N xin ly hôn anh Nguyễn Văn N. Anh N cũng đồng ý ly hôn chị N. Xét thấy Chị N và anh N tự nguyện chung sống như vợ chồng, có đám cưới từ năm 2019 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng Chị N và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ giữa chị N và anh N không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh N không hòa hợp tính tình, lối sống, sinh hoạt, không tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế từ tháng 8 năm 2019 đến nay chị N và anh N sống ly thân, chị N và anh N đều yêu cầu được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh N theo quy định tại Điều 9, Điều 53, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: xét thấy chị N và anh N đều xác định Chị N và anh N có một con chung là cháu Phạm Châu HM sinh ngày 08/4/2020, hiện nay chị N đang nuôi con ổn định từ khi sinh con đến nay, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, anh N đồng ý giao cho chị N nuôi con, nên Hội đồng xét xử yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi con Phạm Châu HM sinh ngày 08/4/2020, anh N được quyền đến thăm nom và chăm sóc con mà không ai được ngăn cản.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu Phạm Châu HM đủ 18 tuổi. Xét thấy: anh N và chị N đều thừa nhận cháu Phạm Châu HM là con chung, mặc dù chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi cháu HM thành niên 18 tuổi, là không trái pháp luật, có lợi cho quyền lợi của cháu HM, mặt khác cũng thể hiện một phần trách nhiệm, nghĩa vụ của anh N đối với con của mình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh N về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu Phạm Châu HM đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: chị N và anh N trình bày không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phạm Châu N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

[7] Ý kiến quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 28, 35, 91, 92, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều: 9, 14, 51, 53, 58, 81, 82, 107, 110, 117, 118, 119, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Châu N và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Phạm Châu N được quyền nuôi con chung là cháu Phạm Châu HM sinh ngày 08/4/2020 (chị N đang nuôi con). Anh Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom và chăm sóc con mà không ai được ngăn cản.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Châu HM với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu Phạm Châu HM đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, về nợ chung: Chị N và anh N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phạm Châu N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 600.000 đồng được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị Phạm Châu N số tiền tạm ứng án phí còn lại 300.000 đồng theo biên lai số 0008078 và biên lai số 0008079 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã H;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư Tòa án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Hưng